

Hoạt động tự quản của cộng đồng dân cư trong việc thực thi quyền lực nhà nước ở cơ sở

*TS. Cao Anh Đô - Viện Nhà nước và Pháp luật,
Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh*

Theo *Từ điển Tiếng Việt*, cộng đồng là "toàn thể những người cùng sống, có những điểm giống nhau, gắn bó thành một khối trong sinh hoạt xã hội" [1, tr.192].

Có định nghĩa lại cho rằng: Cộng đồng là "Một tập hợp người sống thành một xã hội trong cùng thời gian, trên cùng một lãnh thổ đã được xác định, có chung đặc điểm tâm lý, tình cảm, có quan hệ gắn bó với nhau thành một khối và tạo ra một mạng lưới thông tin với nhau" [2, tr.15-16].

Khái niệm cộng đồng chỉ nhiều đối tượng có những đặc điểm tương đối khác về quy mô, đặc tính xã hội. Nói đến khái niệm cộng đồng có thể là những khối tập hợp người, các liên minh rộng lớn như cộng đồng thế giới, cộng đồng Châu Âu... Nhỏ hơn, cộng đồng có thể là một kiểu/hạng xã hội, căn cứ vào những đặc tính tương đồng về sắc tộc, chủng tộc hay tôn giáo... Nhỏ hơn nữa, danh từ cộng đồng được sử dụng cho các đơn vị xã hội cơ bản là gia đình, làng hay một nhóm xã hội nào đó có những đặc tính xã hội chung về lý tưởng xã hội, lứa tuổi, nghề nghiệp, thân phận xã hội [3, tr.15-16].

Quan điểm truyền thống sử dụng thuật ngữ cộng đồng như là một cảm nghĩ, khi con người có ý thức cộng đồng, là cảm giác chung của cộng đồng được xác nhận thông qua việc tôn trọng các biểu tượng, các đặc điểm riêng có của cộng đồng.

Quan điểm hiện đại cho rằng: Cộng đồng là một thuật ngữ dùng để mô tả một tổ chức xã hội đạt trình độ cao trong tổ chức và hoạt động. Nó là một nơi, một tập thể địa lý giống như một làng, một thành phố hay một trung tâm. Một cộng đồng là một tổ chức xã

hội có quan tâm đến những nhu cầu cơ bản như kinh tế, xã hội, văn hoá, giáo dục, chính trị... của các thành viên của mình [4, tr.34].

Cộng đồng được xác định là những người sống và làm việc trong một khu vực địa lý nhất định. Điều đó có nghĩa là cộng đồng bao gồm tất cả các thành viên của gia đình, không chỉ bao gồm chủ hộ. Cộng đồng bao gồm các tổ chức xã hội được thiết lập bởi chính cộng đồng để đại diện cho các quan điểm của họ" [5, tr.5].

Thuật ngữ cộng đồng còn được hiểu như là một phân thể/đơn vị/nhóm người trong hệ thống xã hội, ở đó mọi người ý thức được những đặc trưng và tính chất chung về những gì mà mình đang có. Quan niệm mácxít cho rằng: Cộng đồng là mối quan hệ qua lại giữa các cá nhân, được quyết định bởi sự cộng đồng các lợi ích của các thành viên có sự giống nhau về các điều kiện tồn tại và hoạt động của những con người hợp thành cộng đồng đó, bao gồm các hoạt động sản xuất vật chất và các hoạt động khác của họ, sự gắn gũi giữa họ về tư tưởng, tín ngưỡng, hệ giá trị và chuẩn mực, nền sản xuất, sự tương đồng về điều kiện sống cũng như các quan niệm chủ quan của họ về các mục tiêu và phương tiện hoạt động [03].

Về bản chất của cộng đồng hoàn chỉnh, J.H.Fitcher cho rằng, cộng đồng bao gồm 4 yếu tố: (1) tương quan cá nhân mật thiết với những người khác, tương quan này đôi khi được gọi là tương quan đệ nhất đẳng, tương quan mật đối mặt, tương quan thân mật; (2) có sự liên hệ về tình cảm và cảm xúc cá nhân trong những nhiệm vụ và công tác xã hội của tập thể; (3) có sự hiến dâng tinh thần hoặc dấn thân đối với những giá trị được tập



Đội Dân phòng tự quân khu phố 8, phường Hiệp Bình Chánh, quận Thủ Đức TP. Hồ Chí Minh.

Ảnh: TL

thể coi là cao cả và có ý nghĩa; (4) một ý thức đoàn kết với những người trong tập thể [6, tr.79-80].

Vậy, cộng đồng chính là tập hợp những người cùng sống và hoạt động trong một môi trường tương đồng nhất định như cùng khu vực địa lý, có chung đặc điểm tâm lý, tình cảm gắn bó, hệ giá trị chuẩn mực, điều kiện sống. Cộng đồng bao gồm các tổ chức xã hội được thiết lập bởi chính cộng đồng để đại diện cho quan điểm và hoạt động của họ.

Theo Đại từ điển tiếng Việt thì dân cư là "toàn bộ những người đang cư trú trên một địa bàn lãnh thổ nhất định một cách tự nhiên trong lịch sử và phát triển không ngừng" [7, tr.518].

Hoặc có thể định nghĩa dân cư là "tập hợp những người có những điểm giống nhau làm thành một khối như là xã hội" [1, tr.461]. Theo đó, trong phạm vi bài viết này, cộng đồng dân cư được nhắc tới có thể hiểu là một nhóm dân cư sinh sống trong một thực thể xã hội, trong một địa vực nhất định,

có cơ cấu tổ chức chặt chẽ và có cùng hệ giá trị chuẩn mực.

Hoạt động và hoạt động tự quân

Hoạt động: Là một phương pháp đặc thù của con người quan hệ với thế giới xung quanh nhằm cải tạo thế giới theo hướng phục vụ cuộc sống của mình. Trong mối quan hệ ấy chủ thể của hoạt động là con người, khách thể của hoạt động là tất cả những gì mà hoạt động tác động vào tạo ra sản phẩm thoả mãn nhu cầu của chủ thể. Mục đích trên đây thể hiện trong nhiều lĩnh vực và trên nhiều hoạt động: Kinh tế, chính trị, xã hội, quân sự, tư tưởng, lý luận văn hoá, tâm lý... Nhưng hình thức cơ bản, có ý nghĩa quyết định là thực tiễn xã hội. Hoạt động thường được chia làm 2 loại: Hoạt động hướng ngoại nhằm cải tạo thiên nhiên, xã hội. Hoạt động hướng nội nhằm cải tạo bản thân con người. Hai loại hoạt động ấy gắn liền mật thiết với nhau vì con người chỉ có thể cải tạo mình trong quá trình cải tạo tự nhiên và xã hội. Hoạt động bao giờ cũng

mang tính lịch sử qua các thời đại khác nhau [08].

Tự quản: Là chế độ tổ chức và hoạt động của một xí nghiệp, một đơn vị kinh doanh, nói rộng ra là của một cộng đồng xã hội do tập thể những người lao động của nó quản lý, tự quyết định lấy công việc của mình như tự đặt kế hoạch hành động, tự giám sát công việc, tự đánh giá kết quả công việc, hành vi xử sự của mình mà không cần có sự điều hành chỉ huy của người quản lý hoặc bất cứ người nào khác [8, tr.62].

A. Lagain (1969) đã đưa ra một thang đo gồm 8 mức độ hoạt động của cộng đồng như sau: Nhân dân kiểm soát, chủ trì thực hiện; Chính phủ phối hợp với các nhóm dân cư trong quản lý; Giao quyền cho các nhóm dân cư; Chính phủ đáp ứng một phần các nhu cầu của nhân dân; Chính phủ trao đổi bản bạc với các nhóm dân cư; Chính phủ thông báo cho dân biết; Đưa ra quyết định và thông báo trước; Chính phủ vận động nhân dân làm theo [9, tr.94].

Như vậy, cách thức hoạt động của cộng đồng có thể khác nhau, tùy vào loại hình và mức độ của khách thể mà cộng đồng dân cư tác động cũng như tùy vào năng lực thấu hiểu của cộng đồng với các vấn đề liên quan. Thời gian của hoạt động cũng khác nhau. Điều chú ý là cộng đồng dân cư càng hoạt động tích cực dưới sự hướng dẫn tốt của những chủ trương chính sách pháp luật của nhà nước thì hiệu quả hoạt động càng cao.

Một số lý thuyết Xã hội học

* *Lý thuyết phát triển cộng đồng:* Phát triển cộng đồng là một quá trình biến đổi đưa tới sự thay đổi căn bản chất lượng của cộng đồng theo xu hướng tiến bộ xã hội và đa dạng văn hoá, văn minh [3, tr.4]. Về thực chất phát triển cộng đồng là một cách thức triển khai các hoạt động xây dựng và phát triển trên cơ sở tạo sự hợp lực và đồng thuận của nhiều tổ chức xã hội nhằm phát huy mọi nội lực bên trong của từng thành viên cộng đồng và của cả cộng đồng.

Liên hợp quốc đã đưa ra khái niệm phát triển cộng đồng vào năm 1956, theo đó phát triển cộng đồng là một tiến trình, qua đó sự

nỗ lực của chính dân chúng hợp nhất với nỗ lực của chính quyền để cải thiện các điều kiện kinh tế, văn hoá xã hội của cả cộng đồng, để các cộng đồng này có điều kiện hội nhập và đóng góp tích cực vào đời sống quốc gia.

Hoạt động tự quản dựa trên nguyên lý phát triển cộng đồng bao gồm: Nguyên lý tính tương đối: không nên tuyệt đối hoá sự vật, hiện tượng theo một quan niệm nào cả; Nguyên lý tính đa dạng: Cộng đồng được biểu hiện đa dạng, nên phát triển cộng đồng mang tính đa dạng, phong phú; Nguyên lý tính bền vững: cộng đồng luôn có tính bền vững, mặc dù có thể bị biến đổi tính chất nhưng khi cộng đồng cũ bị giải thể thì cộng đồng mới hình thành; Nguyên lý đồng biến: bản chất của cộng đồng là đồng thuận, do đó mọi thành viên, thành phần cộng đồng đều đồng hành và đồng biến; Nguyên lý tự biến: cộng đồng có năng lực riêng, vì vậy có quy luật riêng là tự vận động và tự phát triển gọi chung là tự biến; Nguyên lý tham gia phát triển: chịu sự tác động của các tổ chức khác, đặc biệt là chịu sự tác động quan trọng của quản lý nhà nước (còn gọi là hợp biến).

- Hoạt động tự quản thông qua lý thuyết phát triển cộng đồng: *Thứ nhất*, hướng tới cải thiện chất lượng cuộc sống của cộng đồng, với sự cân bằng về vật chất và tinh thần, qua đó tạo sự chuyển biến xã hội trong cộng đồng. *Thứ hai*, tạo sự bình đẳng trong hoạt động của mọi nhóm xã hội trong cộng đồng kể cả những người thuộc nhóm thiệt thòi nhất cũng tự mình nêu lên nguyện vọng của mình và được tham gia vào các hoạt động phát triển, qua đó góp phần đẩy mạnh công bằng xã hội. *Thứ ba*, là củng cố các thiết chế, tổ chức; trong đó nhà nước là trung tâm để tạo điều kiện cho chuyển biến xã hội và sự tăng trưởng; cuối cùng là thu hút sự tham gia tối đa của người dân vào tiến trình phát triển.

* *Lý thuyết hành động:* Thuyết hành động gắn liền với cha đẻ của nó là Max Weber, nó bao gồm:

- Hành động duy cảm: là hành động do các trạng thái cảm xúc hoặc tình cảm, bột phát gây ra, không có sự cân nhắc, xem xét.

- Hành động duy lý - truyền thống: là loại hành động tuân thủ những thói quen, nghi lễ, phong tục, tập quán từ đời này sang đời khác.

- Hành động duy lý: theo sự phân tích của trí tuệ, dựa trên những phân tích về giá trị, chuẩn mực (giá trị pháp luật, chuẩn mực đạo đức).

* *Lý thuyết xã hội hoá*: là quá trình chủ thể hoá các tin tức của xã hội, là sự tiếp nhận tri thức, kinh nghiệm xã hội thông qua lăng kính chủ quan và sự xét đoán của mỗi cá nhân. Xã hội hoá không chính thức là sự tương tác xã hội, giữa những người gần gũi như gia đình, bạn bè, nhóm nghề nghiệp. Xã hội hoá chính thức thông qua các tổ chức xã hội. Cái cốt lõi của xã hội hoá là sự quản lý của nhà nước với sự tham gia của nhiều người, nhiều tầng lớp xã hội nhằm đáp ứng yêu cầu thực tiễn.

* *Lý thuyết xã hội công dân*: Khái niệm “civil society” thường được dịch sang tiếng Việt là “xã hội công dân”. Nó được bắt nguồn từ tiếng Hy Lạp mà được Aristotl dùng lần đầu tiên là “Koina politika” mà sau này ta vẫn thường dịch là politika (chính trị), từ này được bắt nguồn từ polis có nghĩa là cộng đồng dân cư thành bang, tức là một cộng đồng xã hội nhất định. Với Aristotl thì “con người là động vật chính trị” cũng đồng nhất “con người là động vật xã hội”, trong hệ thống lý luận của ông thì *chính trị* (the political) và *đạo đức* (the ethical) không có sự khác biệt rõ rệt. Mục tiêu tối thượng của polis là đảm bảo sự phát triển và hình thành nhân cách của các thành viên trong cộng đồng, trong đó “chính trị” là sự định hướng hành động của mỗi cá nhân để đạt tới mục đích chung của cả cộng đồng, đó cũng là mục tiêu hình thành nhân cách sống có trách nhiệm của mỗi cộng đồng... Chính vì vậy Aristotl xác định rõ rằng bản chất chính trị của một cộng đồng chính trị là xã hội công dân, ở đó không có sự cưỡng bức mà chỉ chú trọng đến hoạt động tham gia tự nguyện của các thành viên cộng đồng cùng nhau chia sẻ việc điều hành cộng đồng vì mục đích chung của cộng đồng. Ý thức về xã hội công dân đã có một bước phát triển mạnh mẽ trong

thời cận đại với các nhà tư tưởng như J. Rodin (Pháp), T.Hobbes (Anh), B.Spinoza (Hà lan) và đến thế kỷ XVIII, J. J.Rousseau đã phát triển nó lên một trình độ hoàn chỉnh hơn, đối với ông, con người mất đi quyền tự nhiên của mình nên cần đảm bảo bằng một hình thức liên hiệp là Khế ước xã hội nhằm để bảo vệ tài sản của các cá nhân cũng như toàn bộ sức mạnh chung của xã hội và các thành viên xã hội gọi cơ chế chính trị ấy là Nhà nước. Các tác giả cùng thời như J.Locke hay Montesquieur thì cho rằng nhân dân hợp thành xã hội - nó là tối thượng và khi thiết lập nhà nước, tuy tính tối thượng chuyển sang Nhà nước nhưng Nhà nước không thể nuốt mất xã hội. Còn trong tư tưởng của Hegel thì *xã hội công dân là một nơi mà các cá nhân được tự do theo đuổi những lợi ích, những khác biệt của mình, liên kết với nhau bằng sự cần thiết lẫn nhau và, với tư cách đó, nó không phụ thuộc trực tiếp vào nhà nước chính trị*, nhưng mặt khác ông cũng cho rằng xã hội công dân không thể trở thành dân sự được nếu nó không được nhà nước cai quản về mặt chính trị - chỉ có việc thực thi một quyền lực công cộng tối cao của một nhà nước hợp hiến mới có thể giải quyết được những xung đột của xã hội công dân với tính bất công của nó, tổng hợp những lợi ích cụ thể thành một cộng đồng chính trị chung. Khác với Hegel xem xã hội công dân là một “vật ban tặng” của tự nhiên thì C.Mác coi xã hội công dân kết quả của sự phát triển lịch sử tự nhiên, C.Mác khẳng định: “xã hội công dân bao gồm toàn bộ thương mại vật chất của các cá nhân ở một giai đoạn phát triển nhất định của lực lượng sản xuất. Nó bao trùm toàn bộ đời sống thương mại và công nghiệp của giai đoạn lịch sử ấy, ở mức độ này, nó vượt khỏi khuôn khổ nhà nước và quốc gia, tuy rằng ở bên ngoài, nó phải tự khẳng định với tư cách quốc gia và, ở bên trong, phải tự tổ chức với tư cách nhà nước” và khi không còn sự đối kháng giai cấp nữa thì xã hội cũ bị sụp đổ và C.Mác cho rằng sẽ không có sự xuất hiện một giai cấp thống trị mới, “sẽ không còn một quyền lực chính trị theo đúng nghĩa của nó nữa vì quyền lực chính trị

là sự tóm lược chính thống của đối kháng trong xã hội công dân” và “tự do là chỗ biến nhà nước, cơ quan tối cao của xã hội, thành một cơ quan phụ thuộc vào xã hội, và ngay cả ngày nay nữa, các hình thức nhà nước tự do hay không tự do là tùy ở chỗ trong những hình thức ấy “sự tự do của nhà nước bị hạn chế nhiều hay ít” [10, tr.554]. Xuất phát từ quan điểm này của C.Mác ta thấy rằng càng chính trị hoá, nhà nước hoá các tổ chức, các cộng đồng dân cư thì càng hạ thấp vai trò của xã hội công dân và cản trở sự phát triển của xã hội công dân. Điều này cũng cho thấy, tại sao ở các nước xã hội chủ nghĩa trước đây, các tổ chức xã hội được tổ chức rộng khắp nhưng là vì “cánh tay nối dài” của nhà nước nên xã hội công dân ở các nước đó lại kém phát triển và yếu ớt. Theo C.Mác, xã hội công dân không phải là lĩnh vực chính trị, nhưng mọi hoạt động của xã hội công dân đều có ảnh hưởng đến nhà nước. Vì vậy các thể chế của xã hội công dân mang những hình thức chính trị nhất định. Như vậy xây dựng xã hội công dân, *một mặt phải thừa nhận vai trò độc lập khách quan của nó đối với nhà nước, mặt khác không phủ nhận những hình thức chính trị của nó* [11, tr.14].

Vậy nên, xã hội công dân không những đảm đương chức năng đào luyện con người thành những công dân sống và làm việc có trách nhiệm với xã hội, hướng hoạt động của họ tới mục tiêu phát triển chung của cộng đồng và xã hội mà còn là diễn đàn xã hội để cá nhân có điều kiện trao đổi các kỹ năng sinh hoạt và làm việc, nâng cao trình độ dân trí của mình. Với nghĩa đó, xã hội công dân có mối liên hệ mật thiết với khái niệm *vốn xã hội trong việc chỉ ra sự liên kết và gắn bó của cá nhân con người với cộng đồng và truyền thống văn hoá*. Bên cạnh việc đề cập đến vai trò liên đới của các tổ chức xã hội công dân trong quan hệ với nền kinh tế thị trường và nhà nước pháp quyền, thông qua sự tham gia tích cực của người dân vào các hoạt động chính trị, kinh tế và xã hội. Bên cạnh việc kết hợp với nhà nước cùng giải quyết các vấn đề phát triển chung của địa phương và quốc gia thì xã hội công dân còn tích cực tham gia góp ý, giám sát các hoạt

động của nhà nước và kinh tế thị trường nhằm đảm bảo tính công bằng xã hội, giảm thiểu sự lạm quyền, tham nhũng cũng như những phản phát triển gây tác hại cho cộng đồng và xã hội. Như vậy, hoạt động của xã hội công dân đóng vai trò quan trọng trong việc thiết lập đồng thuận, đoàn kết xã hội vì mục tiêu phát triển chung.

Khái niệm xã hội công dân được quy chiếu ở xã hội nông nghiệp cổ truyền ở nước ta thì đó là cộng đồng dân cư ở cơ sở. Khái niệm cộng đồng thường vẫn được dùng trong khoa học, người ta vẫn thường hiểu cộng đồng đã tồn tại lâu đời trong lịch sử, gắn bó với những thăng trầm của dân tộc. Điều này lại càng phù hợp với tiến trình đi lên của đất nước, quá trình dựng nước và giữ nước là một quá trình gắn bó cùng sự phát triển của cộng đồng, vai trò của cộng đồng có tác dụng tích cực đối với nước ta vì nó tích lũy được vốn xã hội (Social capital) là các tiêu chuẩn và quan hệ xã hội cho phép nhân dân có khả năng phối hợp các hành động tập thể. Điều này cũng khác với xã hội phương Tây, khái niệm này trong xã hội hiện đại được họ hiểu là xã hội công dân bởi trong quá trình quản lý của mình có những việc nhà nước không làm được, “bàn tay hữu hình” của nhà nước mà Maynard Keynes đặt tên không thể bao hết các hoạt động chính trị, xã hội buộc phải giao lại cho “bàn tay bán vô hình” là các tổ chức khác, các tổ chức này được xây dựng trên cơ sở của sự thương lượng, hợp tác, thuyết phục đại diện cho hành động, có mặt ở tất cả các cấp, thậm chí toàn cầu mà C.Mác trong phê phán học thuyết của Hêghen đã dùng lần đầu tiên.

Ở nước ta, với đặc thù của một nước nông nghiệp cổ truyền với chủ nghĩa yêu nước dân tộc, trong đời sống xã hội Việt Nam, xã hội công dân gắn với những thiết chế xã hội mang tính truyền thống có mặt trong các làng xã nông thôn, những tổ chức quần chúng - “xã hội công dân ở nông thôn” đã đóng vai trò lịch sử quan trọng và tích cực trong cấu trúc xã hội công dân Việt Nam [12]. Đó là nơi sinh sống của cộng đồng dân cư, là nơi người dân trực tiếp và bằng các

hoạt động tự quản thích hợp, tương trợ, giúp đỡ nhau trong sản xuất và đời sống, cùng nhau giải quyết các công việc của nội bộ cộng đồng, là nơi tồn tại và duy trì bao đời nay “các hình thức tự quản của cộng đồng dân cư trên cơ sở quan hệ truyền thống gắn bó trong đời sống vật chất và văn hoá” [13, tr.171-173]. Dù được thành lập theo mục tiêu và hướng dẫn của Đảng và Nhà nước nhưng các thiết chế phi quan phương và các tổ chức đã hoạt động như một chiếc cầu nối giữa Đảng với nhân dân hướng đến thực hiện các nhiệm vụ phát triển cụ thể, phục vụ cho phúc lợi của cộng đồng dân cư cơ sở. Phần cuối của bài viết này phân tích một số nét cơ bản về quyền lực nhà nước và quyền lực nhà nước ở cơ sở với mong muốn làm rõ hơn những vấn đề lý thuyết đã nêu ở trên.

Quyền lực nhà nước: Quyền lực trong xã hội có cấu trúc phức tạp, được tạo thành từ nhiều loại quyền lực khác nhau. Có quyền lực đạo đức, quyền lực tôn giáo, quyền lực dòng họ. Trong số rất nhiều loại quyền lực đồng thời tồn tại trong sự đan xen, thâm nhập và ảnh hưởng lẫn nhau tạo thành một chỉnh thể của quyền lực trong xã hội.

Quyền lực chính trị là quyền lực của một giai cấp hay của liên minh giai cấp, tập đoàn xã hội (hoặc của nhân dân trong điều kiện của Chủ nghĩa xã hội (CNXH)), nó nói lên khả năng của một giai cấp thực hiện lợi ích của mình. “Quyền lực chính trị, theo đúng nghĩa của nó, là bạo lực có tổ chức của một giai cấp để trấn áp một giai cấp khác” [14, tr.628].

Một trong những nguồn gốc của quyền lực nhà nước là quyền lực công cộng, là “sức mạnh của ý chí chung” của cả cộng đồng dân cư cùng sống trên một lãnh thổ, nhưng là quyền lực công cộng trong điều kiện “xã hội bị phân chia thành những mặt đối lập không thể điều hoà được, mà xã hội đó bất lực không sao loại bỏ được” [15, tr.251].

Quyền lực chính trị của giai cấp cầm quyền được tổ chức thành nhà nước. Do vậy xét về bản chất, quyền lực nhà nước là quyền lực của giai cấp thống trị. Nó được thực hiện bằng cả một hệ thống chuyên chính do giai cấp đó lập ra. Cho nên, quyền

lực nhà nước được thực hiện bằng nhiều công cụ khác nhau. Một trong những điểm phân biệt với phương thức thực hiện các loại quyền lực chính trị khác là ở chỗ, quyền lực nhà nước được tổ chức thành cả một hệ thống thiết chế và có khả năng vận dụng các công cụ của nhà nước từ tay giai cấp này sang tay giai cấp khác trực tiếp dẫn tới sự thay đổi căn bản tính chất chế độ chính trị. Trong một xã hội có giai cấp thì quyền lực nhà nước có hai chức năng cơ bản là: Chức năng thống trị chính trị và chức năng xã hội [16].

Quyền lực nhà nước ở cơ sở: Theo Rousseau thì quyền lực nhà nước “được thiết lập từ những cá thể thành viên hợp lại tạo ra nó” và “những bộ phận quyền hành được chia tách như vậy đều phụ thuộc vào quyền lực tối cao, điều giả định phải có ý chí tối cao, mỗi bộ phận đều chỉ nhằm thực hiện ý chí tối cao đó” [17, tr.71-82].

Ở nước ta hệ thống 4 cấp của quản lý hành chính nhà nước hiện nay là: Trung ương - tỉnh, thành phố - quận, huyện và xã. Bốn cấp quản lý này được tổ chức theo một hệ thống dọc. Từ trên xuống sẽ là trung ương - địa phương và cơ sở. Nếu nhìn dưới lên sẽ là cơ sở - địa phương và toàn quốc.

Theo Ph.Ăngghen, một trong những đặc trưng cơ bản của nhà nước là phân chia thần dân của theo địa vực,... người ta lấy sự phân chia địa vực làm điểm xuất phát và người ta đã để cho những công dân thực hiện những quyền lợi và nghĩa vụ của họ tại nơi họ cư trú, không kể họ thuộc bộ lạc, thị tộc nào. Cách tổ chức những công dân của nhà nước theo địa vực họ cư trú như thế, là một đặc điểm chung cho tất cả các nhà nước [14, tr.253].

Và sự phân chia như trên cũng chính là sự phân cấp, phân quyền của quyền lực nhà nước. Tức là “Phân định quyền hạn, nhiệm vụ, trách nhiệm bằng cách quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mỗi cấp theo nguyên tắc tập trung dân chủ, để vừa bảo đảm việc điều hành tập trung, thống nhất của chính phủ, đồng thời phát huy dân chủ, nâng cao tính năng động của mỗi địa phương, cơ sở” [18].

Quyền lực nhà nước ở cơ sở chính là vị trí, vai trò của chính quyền cơ sở thực hiện chức năng quản lý nhà nước trong phạm vi địa giới hành chính cơ sở. Chính quyền cơ sở vừa là đại diện cho quyền lực của nhân dân trong địa bàn, được người dân bầu ra, thực hiện ý chí chung của cộng đồng dân cư trong địa bàn; đồng thời cũng thay mặt quyền lực nhà nước ở địa phương. Quyền lực nhà nước ở cơ sở thể hiện quyền đưa ra những quy định, quyết định, quyền cưỡng chế thực hiện những quy định, quyết định đó; quyền xét xử những vi phạm các quy định, quyết định và pháp luật nói chung theo những phạm vi thẩm quyền được pháp luật quy định cho chính quyền cơ sở có hiệu lực với mọi đối tượng.

Chính quyền cơ sở gồm Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân là tổ chức đại diện chính thức cho toàn bộ dân cư trên địa bàn. Tính đại diện chính thức thể hiện ở việc Hội đồng nhân dân là cơ quan nhà nước do nhân dân ở địa bàn trực tiếp bầu ra, thay mặt nhân dân, trên cơ sở yêu cầu, nguyện vọng của nhân dân và pháp luật, quyết định những vấn đề có liên quan đến đời sống của nhân dân ở đơn vị hành chính cơ sở.

Chính quyền cơ sở trực tiếp thực hiện quyền lực nhân dân trên địa bàn. Nhân dân sử dụng quyền lực của mình thông qua Hội đồng nhân dân là cơ quan đại diện cho ý chí và nguyện vọng của mình. Ủy ban nhân dân là cơ quan chấp hành với các công cụ (pháp luật, thẩm quyền ra quyết định) và phương tiện quản lý (bộ máy giúp việc) nhằm đảm bảo thực hiện quyền lực nhân dân [19].

Tài liệu tham khảo:

1. Ban Biên soạn chuyên từ điển NEW ERA (2005), *Từ điển tiếng Việt*, Nxb Văn hóa thông tin, Hà Nội.
2. Nguyễn Thọ Vượng (chủ biên) (2003), *Lập hồ sơ cộng đồng theo phương pháp cùng tham gia*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
3. Tô Duy Hợp - Lương Hồng Quang (2000), *Phát triển cộng đồng: lý thuyết và vận dụng*, Nxb Văn hóa Thông tin, Hà Nội.
4. Trần Xuân Bình (2005), *Tác động của nghề nuôi trồng thủy sản đến giảm đói*

nghèo ở đầm phá tam giang hiện nay, Luận án Tiến sĩ Xã hội học, Đại học Quốc gia Hà Nội - Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Hà Nội.

5. *Sổ tay hướng dẫn: Tư vấn cộng đồng trong tiến trình ra quyết định và lập kế hoạch* (2002), Hà Nội.

6. Jôseph H.fichter (1973), *Xã hội học*, Bản dịch của Trần Văn Đình, Hiện đại thư xã, Sài Gòn.

7. Nguyễn Như Ý (chủ biên) (1999), *Đại từ điển tiếng Việt*, Nxb Văn hóa thông tin, Hà Nội.

8. PGS.TS Phạm Việt Hùng (chủ biên), (2005), *Từ điển bách khoa toàn thư, Viện Từ điển học và bách khoa Việt Nam*.

9. Đỗ Hậu (2000), *"Sự tham gia của cộng đồng dân cư trong công tác quy hoạch xây dựng đô thị ở Việt Nam"*.

10. C.Mác - Ph.Ăngghen (1995), *Toàn tập, tập 1*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

11. Phan Xuân Sơn (2005), *Các tổ chức chính trị-xã hội. Một số vấn đề lý luận và thực tiễn*, Hà Nội.

12. Dương Thanh Mai (2003), *Hương ước và quá trình xây dựng nhà nước pháp quyền của dân, do dân, vì dân*, Bộ Tư pháp.

13. Đảng Cộng sản Việt Nam (2002), *Nghị quyết Hội nghị lần thứ năm Ban chấp hành Trung ương khoá IX*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

14. C.Mác - Ph.Ăngghen (1995), *Toàn tập, tập 4*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

15. C.Mác - Ph.Ăngghen (1995), *Toàn tập, tập 21*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

16. Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh - Viện Khoa học chính trị (2000), *Tập bài giảng Chính trị học*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

17. Đặng Kim Sơn (2004), *Ba cơ chế thị trường, nhà nước và cộng đồng ứng dụng cho Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

18. *Từ điển Luật học* (1999), Nxb Từ điển bách khoa, Hà Nội.

19. Bộ Nội vụ - Viện Nghiên cứu Khoa học tổ chức nhà nước (2004), *Hệ thống chính trị cơ sở. Thực trạng và một số giải pháp đổi mới*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.